

CÁC VỊ THẦN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SĂN BẮT THÚ RỪNG VÀ ĐÁNH BẮT TÔM CÁ CỦA NGƯỜI BRU - VÂN KIỀU

PHẠM VĂN LỢI

Như hầu hết các tộc người cư trú trên Trường Sơn - Tây Nguyên, dân tộc Bru - Vân Kiều nói chung, nhóm Vân Kiều nói riêng, là những cư dân theo tín ngưỡng vạn vật hữu linh (còn được gọi là đa thần giáo hay vật linh giáo). Với họ, mọi vật từ ngọn núi, dòng sông, cánh rừng... đến gốc cây, hòn đá... đều có hồn, có thần; mọi hiện tượng xảy ra trong tự nhiên (như: sấm, chớp, mưa, gió...), trong đời sống xã hội (như: sự xuất hiện, tồn tại, phát triển và mất đi của mỗi con người, mỗi cộng đồng...) đều được tạo ra và được điều khiển bởi các vị thần. Các vị thần đều có thể có những tác động hoặc tốt hoặc xấu lên cuộc sống, lên quá trình tồn tại của mỗi cá nhân, mỗi gia đình và cả cộng đồng tùy thuộc vào quan hệ của họ với các vị thần đó.

Để tìm hiểu về dân tộc Bru - Vân Kiều nói chung, nhóm Vân Kiều nói riêng, đã có nhiều nhà dân tộc học/ nhân học đề cập đến nhiều mặt trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của họ, trong đó có các nghi lễ cúng tế, nơi người dân dâng cúng lễ vật và cầu mong các vị thần đem đến cho họ những điều tốt đẹp, như: Lễ cúng nhà mới (Vũ Lợi, 1998, tr. 38-42), Lễ cúng đất (Phạm Văn Lợi, 2006, tr. 463-473)... Thậm chí, nhà nghiên cứu Gabor Vargyas, người Hung-ga-ri, đã dày công đi sâu phân tích về cấu trúc của các

nghi lễ tín ngưỡng của người Bru - Vân Kiều (Vargyas, 1993). Tuy vậy, cho đến nay, vẫn chưa có nhiều tác giả, nhiều công trình nghiên cứu đi sâu tìm hiểu, lý giải hệ thống thần linh trong quan niệm cổ truyền của người Bru - Vân Kiều. Các vị thần được hình dung trong tâm trí người dân như thế nào? Các vị thần đó có vai trò gì? Và quan hệ/ cách ứng xử của người dân với mỗi vị thần ra sao? Tất cả đều là những câu hỏi chưa có lời giải đáp thỏa đáng.

Dựa trên những tư liệu thu thập được qua một số chuyến điền dã dân tộc học từ năm 1997 đến nay, tập trung tại 3 thôn Tà Rùng, Cu Dong, Tà Cu thuộc xã Húc (huyện Hướng Hóa) và một vài thôn, bản khác của người Bru - Vân Kiều (nhóm Vân Kiều) trong hai huyện Đăkrông, Hướng Hóa (Quảng Trị, Việt Nam) cũng như người Ma-coong, Tri ở huyện Sêpôn (Savannakhet, Lào), bài viết mong muốn đi sâu tìm hiểu về các vị thần liên quan đến hoạt động săn bắt thú rừng và đánh bắt tôm cá¹ của người Bru - Vân Kiều ở tỉnh Quảng Trị, góp thêm tư liệu nhằm trả lời những câu hỏi trên.

¹ Trong ngữ cảnh của bài, còn có thể hiểu rộng hơn là đánh bắt thủy sản, như cá, tôm, cua, ốc, ếch...

1. Khái quát chung về người Bru - Vân Kiều và địa bàn nghiên cứu

Theo kết quả của cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, tại Việt Nam dân tộc Bru - Vân Kiều có 55.559 người, cư trú tập trung ở hai tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình. Quảng Trị là nơi người Bru - Vân Kiều cư trú tập trung nhất với 40.880 người, chiếm 73,57% tổng số dân của cả dân tộc (Tổng cục Thống kê, 2001, tr. 21 và 51). Người Bru - Vân Kiều có mặt ở 5/10 huyện và thị xã trong tỉnh, nhưng tập trung đông nhất tại 2 huyện Hướng Hoá và Đăkông, nơi có đường biên giới tiếp giáp với khu vực cư trú của các tộc người Ma-coong, Tri, thuộc nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Ở Việt Nam, dân tộc Bru - Vân Kiều là tập hợp cư dân của các nhóm Vân Kiều, Ma-coong, Tri, Khùa. Trong khi đó, trên đất Lào cư dân các nhóm Ma-coong, Tri hiện vẫn được coi là những nhóm tộc người độc lập (Lao national front for construction, 2005, tr. 132-135 và 175-177). Nhìn một cách tổng thể, địa bàn sinh sống của người Bru - Vân Kiều ở Việt Nam; các nhóm Ma-coong và Tri ở Lào đã và đang tạo thành một dải liên tục, nối liền với vùng cư trú của người Tà-ôi và người Cơ-tu ở phía Nam, hai tộc dân cùng với người Bru - Vân Kiều hợp thành nhóm ngôn ngữ Katuic, thuộc nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ-me, ngữ hệ Nam Á. Địa bàn cư trú của họ là khu vực miền núi, nằm về phía Đông của dãy Trường Sơn, địa hình hiểm trở, giao thông đi lại tương đối khó khăn.

Tại xã Húc, người Bru - Vân Kiều chiếm gần 10% dân số của toàn dân tộc trong huyện (2.473/24.784 người). Theo số

liệu của Ủy ban Nhân dân xã Húc vào tháng 2 năm 2004, số hộ và số dân của 3 thôn Tà Rùng, Cu Dong và Tà Cu, lần lượt là 92 hộ/456 người; 54 hộ/318 người và 30 hộ/202 người. Trong đó, 100% số hộ và số dân của thôn Tà Cu; 53/54 hộ và 314/318 người dân thôn Cu Dong là người Bru - Vân Kiều. Riêng thôn Tà Rùng có tới 42 người Kinh sống trong 14 hộ. Tuy nhiên, chỉ có duy nhất một hộ người Kinh ở Tà Rùng sống tại điểm tập trung dân cư của thôn; số người Kinh còn lại (một hộ ở thôn Cu Dong và 13 hộ thôn Tà Rùng) sinh sống trong những ngôi nhà nằm dọc theo con đường nối làng với thị trấn Khe Sanh, một điểm trên đường số 9 chạy từ thành phố Đông Hà qua cửa khẩu Lao Bảo, sang địa phận huyện Sêpôn (Savannakhet, Lào).

2. Vai trò của hoạt động săn bắt thú rừng và đánh bắt tôm cá trong cộng đồng người Bru - Vân Kiều

Trước đây, săn bắt luôn đóng một vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của người Bru - Vân Kiều. Hoạt động săn bắt chim thú không chỉ đem lại nguồn đạm động vật cần thiết bổ sung cho nhu cầu ăn thường ngày của cư dân mà nó còn là một trong những hoạt động có tác dụng ngăn thú rừng phá hoại hoa màu, bảo vệ mùa màng. Người Bru - Vân Kiều có nhiều hình thức săn bắt chim, thú khác nhau. Họ có thể tiến hành/ tổ chức các buổi đi săn cá nhân hay tập thể. Khi đi săn cá nhân, họ thường sử dụng các loại bẫy, ngọn giáo, chiếc ná với những mũi tên không tẩm độc hoặc tẩm độc để bắn thú. Với những loại thú nhỏ, như: sóc, chồn, khỉ, mang... người dân thường bắn hạ chúng bằng những mũi tên thường, không tẩm thuốc độc. Khi gặp

những con thú to, thú dữ, như: lợn rừng, gấu, hổ, báo... người ta phải sử dụng những mũi tên có tẩm thuốc độc. Tuy nhiên, nổi bật và gây ấn tượng nhất trong hoạt động săn bắt ở các làng Bru - Vân Kiều là những buổi đi săn tập thể bằng lưới. Họ đã sáng tạo ra ba loại lưới săn khác nhau: lưới săn nhím, lưới săn chồn, khỉ và lưới săn lợn rừng. Trong đó, hai loại lưới đầu là công cụ phục vụ cho các cuộc săn bắt cá nhân; riêng loại lưới thứ ba được dùng cho hoạt động săn bắt tập thể. Với họ, các hình thức săn bắt thường diễn ra quanh năm, nhưng thực sự mùa săn chỉ rõ lên vào khoảng tháng 8 đến tháng 10, thời điểm nằm giữa mùa mưa, khi lúa trên rẫy bắt đầu chín, chim thú thường tập trung quanh rẫy để kiếm ăn.

Đánh bắt tôm cá cũng là một hoạt động kinh tế khá quan trọng trong quá trình tồn tại và phát triển của người Bru - Vân Kiều. Đây là hoạt động kinh tế được thành viên các gia đình tiến hành thường xuyên, cả ban ngày và ban đêm, cả mùa khô và mùa mưa. Các hình thức quăng chài, thả lưới, câu, đơm thường được tiến hành riêng rẽ từng người hoặc từng nhóm nhỏ, từ 1 đến 3 người và đó thường là hình thức đánh bắt cá tôm của những người đàn ông trưởng thành. Riêng hình thức xúc kết hợp với mò tôm, cá, cua, ốc... bằng rỏ và vọt thường được tiến hành theo từng nhóm đông hơn, từ 7 đến 10 người, là cách đánh bắt tôm cá của phụ nữ và trẻ nhỏ. Trước đây, mỗi năm dân làng còn tiến hành đánh bắt tôm cá tập thể một hoặc hai lần vào dịp lễ tết đầu năm. Hoạt động này thường diễn ra ở phía trên hoặc phía dưới đoạn suối chảy qua làng. Đây thực sự là ngày hội của cả cộng đồng - làng, với việc sử dụng võ cây có nhựa độc kết hợp cùng chài, lưới, rỏ, vọt... Gần

đây, đôi khi việc đánh bắt tôm cá phục vụ lễ tết đầu năm của cả làng cũng đã được giao cho từng nhóm từ 3 đến 4 hoặc 5 đến 7 người thả lưới, quăng chài.

3. Quan niệm của người Bru - Vân Kiều về các vị thần

Đa phần các thông tin viên người Bru - Vân Kiều, cả những người từng tham gia săn bắt và những người chưa từng tham gia săn bắt, đều quan niệm vai trò quản lý thú rừng là của *diang* xứ - thần quản lý toàn bộ đất đai, cây cối, muông thú và cả con người trong một khu vực. Đôi khi vị thần này cũng được người dân gọi là *diang Ka-liệ*; số khác lại cho đó là trách nhiệm của thần rừng (*diang Sơ-rung*) và không ít người chỉ ra đó là công việc của vị thần có tên là *Chuôi Ta-răn*. Cũng cần thấy, trên địa bàn cư trú của người Bru - Vân Kiều trước kia, vị thần trông coi một khu vực dường như cũng đồng nghĩa với thần rừng, vì họ vốn cư trú trong những cánh rừng bạt ngàn. Còn với *Chuôi Ta-răn*, vị thần được người dân hình dung trong hình dáng một ông già, râu dài tóc bạc, luôn sống cùng với các loại thú trong rừng, rất có thể cũng chỉ là một cách gọi khác, một sự hình dung cụ thể hơn của thần rừng. Với vị thần quản lý tôm cá cũng có một tình trạng tương tự: một số người cho tôm cá là do thần nước quản lý, trong khi số khác lại khẳng định đó là vai trò của thần sông. Trong con mắt của người dân, dù là thần sông hay thần nước thì đó đều là một vị nữ thần xinh đẹp, không có gia đình, suốt ngày ở bên những dòng sông, con suối, nơi nước sâu, trong xanh, trên bờ có những tảng đá đẹp. Người Bru - Vân Kiều ở đây còn truyền nhau câu chuyện về một cô gái tốt bụng nhưng xấu xí, sau bao gian nan, vất vả

đã được hoá thân thành một cô gái xinh đẹp, nhưng không lấy chồng, suốt ngày lang thang bên các dòng sông, con suối làm bạn với sông nước, tôm cá nên được gọi là nàng cá (*niang xé*). Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy thần sông hay thần nước trong ngôn ngữ của cư dân ở đây cũng chỉ được gọi bằng cùng một tên *diang Đợ*, còn câu chuyện về nàng cá, không chồng suốt ngày đi lang thang bên các dòng sông, con suối cũng chính là hiện thân của vị thần nước hay thần sông trong tâm trí của cư dân. Thực ra, điều này cũng xảy ra đối với thần trồng nom, cai quản cây lúa và việc gieo trồng lúa. Với vị thần này, người Bru - Vân Kiều cũng đã đưa ra ba tên gọi khác nhau: *diang Abôn/ ỵa Abôn/ ỵa Pút* (*ỵa* - già hoặc bà già). Trong đó, *ỵa Pút* thường được người dân hình dung là một bà già, đen đúa, xấu xí. Phải chăng đó là tình trạng chung của các vị thần trong quan niệm của người Bru - Vân Kiều: từ một vị thần chung chung, mang tính khái niệm, đến một vị thần cụ thể hơn, gần gũi hơn với từng cộng đồng và cuối cùng là hình dung về vị thần đó qua hình hài cụ thể của một con người? Hay đó chính là ba cấp độ của các vị thần trong quan niệm của người Bru - Vân Kiều? Dù sao, qua những gì đã trình bày ở trên, có thể bước đầu xác định *diang xú/ diang Sơ-rung/ Chuôi Ta-răn* là vị nam thần sống trong rừng, có vai trò quản lý thú rừng, còn thần nước/ thần sông/ nàng cá là vị nữ thần sống bên các dòng sông, con suối, có vai trò trông coi, quản lý tôm cá. Như vậy, tại đây chúng ta đã gặp một cặp đôi nam/ nữ đối ngược nhau giữa thần quản lý thú rừng và thần trông coi tôm cá. Sự đối ngược giữa hai vị thần này cũng xuất hiện trong quan niệm của người Cơ-tu. Tuy nhiên, với hai vị thần cụ thể này, trong quan niệm của người

Bru - Vân Kiều và người Cơ-tu lại có một sự trái ngược hoàn toàn: ở người Cơ-tu, vị thần quản lý thú rừng là nữ (*Cơ-mơ bar*) còn vị thần trông coi tôm cá là nam (*A Ul*)². Trong khi đó, với người Bru - Vân Kiều, vị thần quản lý tôm cá là nữ còn vị thần trông coi thú rừng là nam. Vậy, cách ứng xử của hai nhóm cư dân đối với cặp nam/ nữ thần này, trong hoạt động săn bắt chim thú và đánh bắt tôm cá giống và khác nhau như thế nào?

Giống như các dân tộc khác trên Trường Sơn - Tây Nguyên, người Bru - Vân Kiều cũng cho rằng người có hồn (*ra-vươ*) và hồn người chủ yếu ở trên đầu. Tương tự như vậy, theo họ thú rừng cũng có hồn và hồn thú cũng ở trên đầu. Tuy nhiên, khi con người chết thì hồn biến thành ma (*ku-mui*), còn lúc thú chết hồn thú không biến thành ma mà thoát ra khỏi thân thể đi mây về gió! Khi đi săn người ta chỉ bắn hoặc đặt bẫy được những con thú có hồn yếu, còn những con thú có hồn khoẻ mạnh thì con người không thể bắt, không thể bắn chết được.

4. Các nghi lễ liên quan đến săn bắt thú rừng

Về cơ bản, dù là săn bắt tập thể hay săn bắt cá nhân; dù đặt bẫy, dùng lưới hay dùng tên và nỏ... để tiến hành các hoạt động săn bắt, cư dân luôn phải thực hiện các nghi lễ cúng thần vào một số thời điểm hoặc một số hoàn cảnh nhất định. Vào đầu mùa săn, mỗi gia đình trong làng thường phải nộp một con gà để tiến hành lễ cúng ở nhà người đàn ông phụ trách về việc săn bắt (*tuóng ru ro*). Lễ cúng nhằm dâng lễ vật cho thần quản lý thú rừng, cầu mong thần đem đến cho cư

² Tư liệu điền dã của tác giả tại một số làng Cơ-tu ở huyện Tây Giang và Đông Giang, tỉnh Quảng Nam, năm 2009.

dân một mùa săn bắt đạt kết quả tốt, những người đi săn tránh khỏi mọi tai nạn, không bị thương tật do thú tấn công...

Trong trường hợp đi săn tập thể, khi có người phát hiện ra thú, người phụ trách công việc săn bắt của cộng đồng sẽ ra hiệu lệnh tập hợp toàn bộ người dân trong làng để tiến hành cuộc săn. Khi đến chỗ tập trung, ông ta sẽ tiến hành một lễ cúng với lễ vật là một quả trứng gà hoặc chỉ là 3 - 4 miếng trầu (có đủ cả cau, vò và vôi). Lễ vật được đặt ngay trên những tấm lưới săn. Ông ta lấy một ngọn cây/ cành lá bất kỳ kẹp vào giữa hai bàn tay hướng ra phía khu rừng mà đoàn săn đang hướng tới vài ba lần, rồi bắt đầu đọc lời cúng gọi *diang xư*, trình bày lý do của cuộc săn, cầu mong thần giúp đỡ cho săn được thú và hứa với thần nếu bắt được thú sẽ cúng thần bằng chiếc đầu và bộ lòng con vật cùng một quả trứng, con gà hoặc con lợn, tùy thuộc vào con thú săn được to hay nhỏ. Cúng xong ông đưa quả trứng gà sống cho những đứa trẻ đem về luộc ăn, còn cành lá hoặc ngọn cây được thả/ bỏ luôn tại chỗ. Lễ cúng này thường được người dân gọi là *tức diang xư*, với nghĩa là cúng thần khu vực (xư = khu vực/ vùng).

Khi thú bị bắn ngã hoặc đâm chết, họ cũng lấy bốn miếng trầu cau đặt lên đầu thú rồi cúng. Lúc đó họ không cần vài bằng cành lá, ngọn cây mà chỉ đọc lời cúng thể hiện lòng biết ơn đối với *diang xư*, mời thần ăn trầu cau trước khi khiêng thú về. Nếu khoảng cách từ chỗ săn được thú đến làng quá xa, người ta có thể đặt thú xuống nghỉ; nếu gần họ có thể khiêng thú thẳng về đặt phía ngoài cổng làng. Tại đó, họ tìm củi, đốt lửa thui và làm thịt con thú rồi chia phần cho mọi người. Họ chỉ giữ lại cái đầu và bộ lòng

con thú để tiến hành lễ cúng tại nhà người phụ trách việc săn bắt. Ngoài những thú này, nếu con thú săn được nhỏ hơn con mang (chồn, cáo, dúi, chuột...), lễ vật có thêm một quả trứng; nếu con thú săn được là mang, lợn rừng, gấu... người ta phải chuẩn bị thêm một con gà và một quả trứng. Họ đặt một chiếc mâm đan (*pa-diên*) lên mặt sàn ngôi nhà ở, chỗ cửa ra vào nhà, trên đó là một chiếc thớt để chiếc đầu thú chưa chế biến. Bên cạnh thớt (trong lòng *pa-diên*) là con gà đã được luộc chín và hai món ăn được chế biến từ "lục phủ ngũ tạng" con thú săn được: một món gồm lòng, tim, gan... đã được luộc chín, thái nhỏ trộn với tiết sống và muối, ớt; một món chỉ có lòng, tim, gan... luộc chín trộn với muối, ớt. Quả trứng gà được luộc chín, đặt lên trên chiếc đầu thú. Người chỉ huy săn bắt ngồi ở phía trong nhà hướng ra ngoài, nơi đặt mâm lễ vật, tiến hành nghi lễ. Ông ngồi xếp bằng, hai tay đặt trên hai đầu gối đọc lời cúng mời thần rừng/ thần khu vực đến ăn đầu và lòng thú; ăn gà, ăn trứng; cầu cho thú đừng đến phá rẫy, ăn sắn, nếu chúng đến phá rẫy, ăn sắn... thì phải chết, phải mắc lưới, mắc bẫy... của người dân, trong những lần săn sau. Với lễ cúng này, người ta không tung gạo, không thả sập ngựa, không đốt sập như các lễ cúng khác, những lễ cúng được tiến hành tại bàn thờ gia đình và dòng họ. Cúng xong, con gà và bộ lòng thú được thái ra cho mọi người uống rượu, còn chiếc đầu con vật sẽ được đem nấu cháo để mọi người cùng ăn. Sau khi ăn uống xong, họ chỉ giữ lại chiếc xương hàm dưới của con vật để gài lên mái nhà.

Khi đi săn cá nhân, dù là dùng tên nỏ, đặt bẫy hay chăng lưới, người dân cũng tiến hành các nghi lễ cúng tế tương tự như khi đi

săn tập thể. Với những người đặt nhiều bẫy, chiếc bẫy đầu tiên đặt ở đâu thì họ cúng ở đó. Trong lễ cúng này họ cũng mời thần rừng đến ăn lễ vật, cầu mong thần cho săn bắt được thú và hẹn nếu săn được sẽ cúng thần bằng chiếc đầu và bộ lòng thú như khi săn tập thể. Chiếc đầu và bộ lòng con thú sẽ thuộc về người thợ săn và họ tự tiến hành lễ cúng ngay tại ngôi nhà ở của gia đình mình. Khi cúng, họ có thể để lễ vật ở chỗ cửa ra vào ở đầu hồi hay phía trước nhà; nhưng tuyệt đối không cúng ở nơi có bàn thờ gia đình và dòng họ. Người ta cũng cúng mời thần rừng/ thần khu vực và *Chuôi Ta-răn* tới ăn lễ vật và cầu cho tiếp tục săn được thú trong các chuyến đi sau. Với người Bru - Vân Kiều “cái đầu thú là của tập thể và luôn thuộc về tập thể”. Vì vậy, khi cúng xong, họ cũng đem đầu thú nấu cháo hoặc luộc chín mời mọi người cùng ăn.

Đối với hổ, một số người cho rằng họ vẫn tiến hành săn bắt như các loài thú khác, nhưng không ít người thể hiện sự sợ hãi khi nghe nói đến, thậm chí họ còn không muốn nhìn thấy hổ, dù là hổ đã chết. Những người này cho rằng việc săn bắt hổ chỉ là ngẫu nhiên hoặc trong trường hợp bắt buộc, như: bị hổ tấn công bắt nạt hoặc khi hổ tới làng bắt trâu, bò, lợn, gà... Trong trường hợp đó, sau khi giết được hổ, trừ mối họa cho bản thân, gia đình và cộng đồng, người ta thường chôn xác hổ ngay tại nơi con hổ bị giết. Họ cho là không nên ăn thịt hổ, vì không ít trường hợp con vật này đã từng ăn thịt người và đôi khi trong ruột nó còn có cả tóc người.

Một số thông tin viên cho biết khi săn bắt được hổ họ vẫn giết thịt, ăn uống bình thường. Việc giết và chia thịt hổ cho mọi người cũng được tiến hành ở ngoài cổng

làng và đầu hổ vẫn được đem về nhà người chỉ huy săn bắt để cúng thần như bình thường. Tuy nhiên, lễ cúng này không chỉ kèm theo một con gà như với các loài thú khác mà phải giết thêm một con lợn làm lễ vật và xương hàm dưới của hổ không được gài lên mái nhà mà phải đem vứt ngay ra ngoài rừng.

Cuối mùa săn, mỗi hộ gia đình trong làng góp một con gà để tiến hành lễ cúng chung tại nhà người phụ trách việc săn bắt. Với những người săn bắt cá nhân, họ chỉ cúng tạ ơn thần vào dịp này nếu số xương hàm dưới gài trên mái nhà của họ, trong một mùa săn, vượt quá con số 15. Lễ vật trong lễ cúng này chỉ là một con gà. Họ tiến hành nghi lễ tại vị trí đã diễn ra lễ cúng vào đầu mùa săn. Ngoài mục đích tạ ơn, lễ cúng này còn cầu mong thần quản lý thú rừng phù hộ cho năm sau săn bắt được nhiều thú hơn và người đi săn tránh khỏi mọi tai nạn.

Người Bru - Vân Kiều ở đây cho biết khi đi săn, đặt bẫy, ngoài việc tiến hành lễ cúng với một cành lá hoặc ngọn cây xanh, họ không mang theo bất kỳ loại lá cây gì với mục đích cầu may, như những thợ săn người Cơ-tu (Luu Hùng, 2006, tr. 158-161). Tuy nhiên, trước, trong và sau khi đi săn, họ đã và đang duy trì một số kiêng kỵ, như: khi đi đặt bẫy sập (bắt chồn, chim, chuột, sóc...) kiêng đi qua, đi lại hai bên hàng rào ngăn thú, vì sợ thú sẽ đi theo dấu chân người mà không mắc vào bẫy. Họ cũng kiêng kéo tre, lồ ô trên đường vì sợ rắn sẽ mắc vào bẫy (ngày nay săn bắt rắn đã đem lại một nguồn thu khá quan trọng đối với một số gia đình cư dân). Đặt bẫy xong, trở về nhà, họ kiêng ăn cơm nguội; khi gửi, kiêng hay vác thú săn được về đến nhà gặp ai người đó phải ở

lại ăn thịt, uống rượu; nếu người khách từ chối, theo quan niệm của người dân, sau này gia chủ sẽ không sản được thú nữa. Phần thịt thú săn được chia cho các gia đình nếu ai làm đồ, làm rơi sẽ phải tìm lại ngọn cây dùng để cúng lúc trước khi đi săn, sắm 4 miếng trầu cau, một con gà hoặc một quả trứng đem đến nhờ người phụ trách việc săn bắt cúng giúp nhằm tạ lỗi với thần về sự việc không may đã xảy ra.

Các làng Bru - Vân Kiều nơi đây không có ngôi nhà công cộng, nên trước khi đi săn, đặt bẫy, giăng lưới... người thợ săn không thể ra nhà công cộng ngủ như với người Co-tu. Họ vẫn ăn uống, ngủ, nghỉ tại nhà như bình thường. Tuy nhiên, theo họ, những giấc mơ mà người thợ săn gặp trong đêm đó có ảnh hưởng khá nhiều đến kết quả chuyến đi săn của họ trong ngày hôm sau. Người ta cho là nếu người thợ săn mơ thấy có người chết; mơ thấy được cho cau, com là những giấc mơ tốt, báo hiệu một chuyến đi săn may mắn sẽ đến trong ngày hôm sau: họ sẽ không gặp điều gì nguy hiểm và săn được nhiều thú. Họ cũng tin rằng nếu mơ thấy được cho gà trống thì ngày hôm sau đi săn sẽ bị tai nạn... Nếu khi đi săn có đứa trẻ bảo không được thú mà khi kết thúc cuộc săn có kết quả ngược lại, họ cũng phải sắm lễ vật cúng tạ lỗi với thần.

Trong bài viết của mình GS. Kaij Arhem, một nhà nhân học Thụy Điển, cho rằng đối với người thợ săn Co-tu những chiếc lá thuốc được họ dùng khi đi săn là hết sức quan trọng. Nó làm cho những người thợ săn có sức mạnh, sức cuốn hút đối với những con thú và cả những người phụ nữ để họ tự rơi vào vòng ảnh hưởng của anh ta và dâng mình cho anh ta (Arhem, 2008, tr. 62).

Thậm chí trong bản báo cáo trước đó, ông còn lý giải những chiếc lá thuốc đó được những người thợ săn Co-tu dùng để mê hoặc nữ chúa của rừng, như một loại rượu gợi tình gây tình cảm yêu thương đặc biệt của *Co-mor bar*, nữ thần quản lý thú rừng, khiến *Co-mor bar* thả các con thú, đưa chúng vào bẫy của người đi săn... Và ông cũng cho rằng tính nam/ nam tính rất mạnh của nhà Gươl, nơi để xương và đầu các con thú, có thêm một ý nghĩa, là lãnh địa đặc quyền của *Co-mor bar*, chỗ riêng mà ở đó nam giới xây dựng quan hệ của họ với bà chủ của rừng, người cung cấp tài nguyên phong phú của rừng và là nơi mà người đi săn tạm thời chung sống với Bà vào đêm trước ngày đi săn để đảm bảo không những vận may cho mình mà cả sự tăng trưởng và tái sinh của động vật trong rừng. Với cách giải thích này, có thể coi *Co-mor bar* là “vợ” của người thợ săn và đi săn liên quan đến việc xây dựng và củng cố liên minh giữa người đi săn và người canh giữ thú, một liên minh rõ ràng có tính vợ chồng và có lẽ có cả ý nghĩa sinh lý... Giống như nhà ở được hiểu một cách biểu tượng là không gian để vợ chồng chung sống và làm cho gia đình có người nối dõi, thì nhà Gươl có thể được coi là không gian biểu tượng mà ở đó người đi săn và người vợ tinh thần của mình đảm bảo sự tái sinh và tăng trưởng của các con thú rừng (Arhem, 2005, tr. 52). Với người Bru - Vân Kiều, điểm xuất phát cho mối quan hệ giữa người đi săn và thần quản lý thú rừng lại hoàn toàn khác. Ở đây, thần quản lý thú rừng không phải là nữ mà là nam. Điều đó dẫn tới người thợ săn không cần phải có những thứ “lá tà thuật”, như “một loại rượu gợi tình” gây tình cảm đối với thần quản lý thú và họ cũng không cần có “không gian biểu tượng mà ở

đó người đi săn và người vợ tinh thần của mình đảm bảo sự tái sinh và tăng trưởng của các con thú rừng”. Vậy người Bru - Vân Kiều dựa vào đâu để đảm bảo cho hoạt động săn bắt thú của mình đạt kết quả như mong muốn (theo những tín niệm xưa cũ của họ)?

Tất nhiên, cũng như đa số các dân tộc khác ở Việt Nam và trên thế giới, để làm vừa lòng các vị thần (trong đó có cả vị thần quản lý thú rừng), người Bru - Vân Kiều cũng sử dụng các lễ vật, như: gà, lợn, trâu, trứng và cơm, rượu, trà, thuốc... cho các lễ cúng. Bên cạnh đó, họ còn dựa vào sự mách bảo của các thầy bói nhằm tìm hiểu xem các thần muốn ăn lễ vật gì để tiến hành lễ cúng đạt kết quả cao, đặc biệt trong các nghi lễ liên quan đến sức khỏe, sinh đẻ, nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, còn một cách làm nữa cần được đề cập: đó là họ đã viện tới vị thần ngự trong những chiếc *héc luông* trên bàn thờ gia đình và dòng họ như một thế lực siêu nhiên trong vai trò sứ giả, cầu nối giữa người sống với các thế lực siêu nhiên khác để chuyển những yêu cầu, mong muốn và sự biết ơn của con người đến với mỗi vị thần, trong đó có vị thần quản lý thú rừng. Trong các lễ cúng được tiến hành nhằm tới vị thần quản lý thú rừng, dù diễn ra trong nhà hay ngoài rừng, người dân cũng luôn kêu cầu thần *héc luông* tới ăn lễ vật, nhờ thần giúp đỡ trong việc mời thần quản lý thú rừng, cầu mong thần cho việc săn bắt thú rừng được thuận lợi. Lễ vật trong các lễ cúng cũng được phân rõ đâu là phần dành cho vị thần *héc luông*, đâu là phần dành cho thần quản lý thú rừng.

Vậy “vị thần ngự trong những chiếc *héc luông* trên bàn thờ gia đình và dòng họ của người Bru - Vân Kiều là thần gì?” Để hiểu được thực chất vị thần này là gì cần

phải tìm hiểu một cách cặn kẽ về bàn thờ gia đình, dòng họ và tín ngưỡng thờ cúng trong gia đình của người Bru - Vân Kiều. Đây là một công việc phải đối mặt với nhiều khó khăn, phức tạp và hiện không có được cái nhìn nhất quán trong bản thân cư dân và những nhà nghiên cứu. Các tác giả cuốn *Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên* cho hình thức thờ cúng trong gia đình người Bru - Vân Kiều là thờ thần bản mệnh (Nguyễn Quốc Lộc và cộng sự, 1984, tr. 138). Trong cuốn *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)* sau khi mô tả về hình thức thờ cúng tổ tiên của người Bru - Vân Kiều liên quan đến ngôi nhà nhỏ có tên là *đông sok ku mui* (nhà của người chết), các tác giả cho biết “Ngoài *đông sok ku mui*, mỗi gia đình người Bru còn có một bàn thờ riêng (*t'ông chel*), thờ cúng những người trong gia đình” (Viện Dân tộc học, 1978, tr. 136). Khi đề cập đến nghi lễ cúng nhà mới của người Bru - Vân Kiều qua khảo sát ở xã Hướng Linh (huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị), TS. Vũ Lợi đã mô tả bàn thờ của một gia đình Bru - Vân Kiều cụ thể với bên dưới là 9 dụng cụ thờ thần *ciét* (thần bản mệnh) của 9 thành viên trong gia đình và trên cùng là nơi ngự của thần *măn tô priêng*. Tác giả không cho biết đây là thần gì nhưng cho rằng thần này được thờ tùy theo ý thích của gia đình, nhiều nhà không thờ thần này (Vũ Lợi, 1998, tr. 40-41). Tuy vậy, bước đầu có thể giới thiệu về việc thờ cúng trong gia đình người Bru - Vân Kiều một cách sơ lược như sau: từ khi được sinh ra, vào lần đầu ốm đầu tiên mỗi người con được cha mẹ làm cho một dụng cụ cúng hồn trong có một chiếc bát và mấy miếng trà cau rồi đặt trên bàn thờ sau một lễ cúng với lễ vật là gà hoặc lợn. Đến tuổi trưởng thành, khi đã xây dựng

gia đình, có con có cháu, nếu ai tự tổ chức được cho mình (hoặc được con cháu tổ chức cho) một lễ cúng lớn với trâu là lễ vật thì hồn người đó trở thành thần (*diang*), ngự trong một dụng cụ thờ cúng có tên là *héc luông* nằm trên tầng cao nhất nơi bàn thờ. Với người Bru - Vân Kiều *diang* ngự trong *héc luông* có nhiều vai trò quan trọng khác nhau, trong đó có vai trò làm cầu nối giữa con người với các thế lực siêu nhiên khác, như trên đã đề cập.

Có thể nói đây là một khác biệt lớn về niềm tin, tín ngưỡng giữa người Bru - Vân Kiều so với các dân tộc khác trong nhóm Katuic và hầu hết các dân tộc khác trên Trường Sơn - Tây Nguyên. Phải chăng có sự khác biệt này là do ở người Bru - Vân Kiều đã phát triển hình thức thờ cúng tổ tiên, dòng họ hơn các dân tộc khác trong khu vực. Tuy nhiên, cũng phải thấy ở người Việt (Kinh), một dân tộc mà tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên rất phát triển, nhưng tổ tiên - những người đã chết, chỉ có thể góp phần trông coi nhà cửa, ruộng vườn, giúp đỡ con cháu trong cuộc sống hàng ngày chứ không thể trở thành sợi dây trung gian để con cháu đề đạt nguyện vọng tới các thế lực siêu nhiên khác. Rất có thể điều này xuất hiện trong quan niệm về thế giới thần linh của người Bru - Vân Kiều là kết quả của sự gặp gỡ giữa tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên tiếp thu từ người Việt và tính thô sơ trong quan niệm về các lực lượng siêu nhiên của các dân tộc trên Trường Sơn - Tây Nguyên (?). Với họ không chỉ các sự vật, hiện tượng trong thế giới tự nhiên mới có hồn, có thần mà ngay bản thân con người, trong những điều kiện nhất định, cũng trở thành *diang* với những khả năng và quyền lực đặc biệt mà người thường không có được.

5. Các nghi lễ liên quan đến đánh bắt tôm cá

Có thể nói, cũng giống như ở người Cơ-tu, trong những lần đi đánh bắt tôm cá mang tính chất cá nhân hay nhóm nhỏ, người Bru - Vân Kiều hầu như không tiến hành một nghi lễ cúng tế gì dành cho thần nước/ thần sông hay nàng cá và họ cũng không có kiêng cử gì dành cho hoạt động đánh bắt trên sông, suối. Mỗi năm chỉ có một hoặc hai lần, vào dịp đầu năm hay cuối năm, trước khi làng tổ chức đánh bắt cá tập thể, họ phải tiến hành một lễ cúng thần nước (tức *diang Đợ*). Lễ vật trong lễ cúng này thường chỉ là gà, rượu và vài bộ nữ phục. Họ làm thịt và luộc chín con gà lễ vật rồi mang ra bờ suối cúng. Họ cũng làm một chiếc bè nhỏ bằng cuống tàu lá và bẹ cây chuối, cho một ít thịt gà sống lên đó rồi thả trôi theo dòng nước. Lễ cúng thường do người phụ trách việc cúng tế của làng thực hiện. Khi cúng, họ mời thần sông về thụ hưởng lễ vật và cầu mong thần cho đánh bắt được nhiều cá, tôm và không xảy ra tai nạn.

Ở đây, có một vấn đề cần đặt ra là: Tại sao người ta lại không chú ý đến các nghi lễ cúng tế thần sông/ thần nước/ *niang xé* tương tự như đối với thần rừng/ thần xứ/ *Chuôi Ta-răn*? Phải chăng lượng đạm động vật do hoạt động đánh bắt tôm, cá đem lại cho bữa ăn hàng ngày của cư dân không nhiều và không đều bằng hoạt động săn bắt? Ngày nay, do tác động của nhiều yếu tố: các dòng sông, con suối chảy qua làng hoặc gần làng đang ngày càng ít tôm, cá, cua, ốc; một số gia đình đã biết đào ao nuôi cá và một trong những mặt hàng được lái buôn đem vào làng bán nhiều nhất cũng là cá, cả cá khô và cá tươi, cả cá nước mặn và cá nước ngọt. Thậm chí, ở đây cũng đã phổ biến cả

những sản phẩm cao cấp chế biến từ tôm cá, như: các loại cá hộp, mắm tôm, mắm cá... Do vậy hoạt động đánh bắt tôm, cá ở các làng Bru - Vân Kiều cũng ngày càng kém phát triển, nhưng rõ ràng nó vẫn đem lại cho bữa ăn hàng ngày của các gia đình một lượng đạm động vật nhiều hơn hẳn so với săn bắt. Tất nhiên, lượng tôm cá thu được từ các hoạt động đánh bắt cũng rất khác nhau giữa các gia đình, tùy thuộc vào mức độ thành thạo và loại hình công cụ mà thành viên mỗi gia đình sử dụng. Trong thời gian gần ba tháng, vào các tháng 3, 7 dương lịch năm 2004 và tháng 5 năm 2005, gia đình anh Hồ Văn Đeng, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân xã Húc, người thôn Tà Rùng, chỉ đi xúc tôm, cá trên suối có hai lần, đem lại nguồn thức ăn mặn cho 4 bữa cơm của gia đình. Trong khi đó, gia đình anh Hồ Văn Việt, Trưởng thôn thôn Tà Rùng, lại thường xuyên có tôm, cá trong các bữa ăn, vì anh là người thành thạo việc đánh bắt tôm cá bằng chài và lưới. Mỗi đêm anh đi quăng chài hoặc thả lưới thường đem lại cho gia đình từ 5 đến 7 kg cá. Ngày 15/5/2005, anh Việt tiến hành thả lưới dọc suối Cu Dong, trong khoảng 3 giờ, với sự trợ giúp của một thanh niên trong làng, đã thu được chừng 4 kg cá. Cá, tôm thường được gia đình anh chế biến ngay khi còn tươi, phục vụ các bữa ăn gia đình. Đôi khi do đánh bắt được nhiều, anh cũng đem phơi hoặc sấy khô để ăn dần. Điều đó làm cho bữa cơm của gia đình anh luôn có sự góp mặt của tôm, cá nhiều hơn thịt thú rừng.

Có thể khẳng định đánh bắt tôm cá hiện vẫn là một phương thức kiếm sống khá quan trọng của đa số gia đình cư dân nơi đây. Điều đó cho thấy vào thời điểm hiện nay hoạt động đánh bắt này có vai trò quan trọng hơn hoạt động săn bắt chim, thú trong việc cung cấp

lượng đạm động vật cho bữa ăn hàng ngày của cư dân. Các thông tin viên còn cho rằng trước đây cả đánh bắt tôm, cá và săn bắt chim, thú đều đạt những kết quả khả quan hơn hiện nay: thú săn được nhiều hơn và tôm, cá đánh bắt được cũng nhiều hơn. Tuy nhiên, vấn đề là ở chỗ không phải tất cả lượng thịt do săn bắt đem lại đều trực tiếp phục vụ bữa ăn hàng ngày của cư dân, trong khi tỷ lệ đó là 100% trong đánh bắt tôm cá. Thêm nữa, hoạt động đánh bắt tôm cá có thể diễn ra quanh năm, với mọi đối tượng, từ già đến trẻ, từ nam đến nữ, trong khi săn bắt chỉ hiệu quả trong mùa mưa và chủ yếu chỉ là hoạt động của những người đàn ông trưởng thành. Tất nhiên, trong các cuộc săn bắt tập thể phụ nữ và trẻ em cũng tham gia, nhưng chỉ với vai trò phụ. Điều đó cho thấy với người Bru - Vân Kiều, từ xưa đến nay, săn bắt đều có vai trò thấp hơn đánh bắt tôm cá khi xét về lượng đạm động vật đóng góp vào bữa ăn hàng ngày của cư dân. Từ đó, chúng ta có quyền nghĩ đến việc người dân quan tâm đến các lễ cúng dành cho thần quản lý thú rừng hơn thần quản lý tôm, cá là do vai trò bảo vệ mùa màng của săn bắt. Điều này còn được xác nhận bởi trong các lời cúng thần quản lý thú rừng chúng ta luôn thấy lời cầu mong thần “không cho thú tới phá rẫy, nếu chúng đến phá rẫy thì chúng phải chết...”. Điều đó càng cho thấy vai trò của cây lúa rẫy, của canh tác rẫy quan trọng như thế nào với đời sống của người Bru - Vân Kiều trước kia và cả hiện nay.

Nhận xét

Qua những gì đã trình bày, xin được đưa ra một vài nhận xét:

- Trong quan niệm của người Bru - Vân Kiều, dù liên quan đến hoạt động săn bắt thú

rừng hay đánh bắt tôm cá (và cả trong canh tác rẫy), các vị thần đều được hình dung ở ba mức độ: từ một vị thần chung chung, mang tính khái niệm, đến một vị thần cụ thể hơn, gần gũi hơn với từng cộng đồng và cuối cùng là hình dung về vị thần đó qua hình hài cụ thể của một con người.

- Trong con mắt của người Bru - Vân Kiều, các vị thần liên quan đến hoạt động săn bắt và đánh cá không chỉ có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự phát triển/ sinh sản/ tái sinh của thú rừng, của tôm cá mà còn có vai trò quan trọng trong việc duy trì kết quả săn bắt thú rừng và đánh bắt tôm cá của người dân.

- Để đạt được mục đích tốt nhất trong hoạt động săn bắt và đánh cá, cũng như nhiều dân tộc khác, người Bru - Vân Kiều đã cố gắng làm đẹp lòng các vị thần bằng những lễ vật dâng cúng. Nếu như người thợ săn Co-tu ra ngủ tại ngôi nhà của cộng đồng vào đêm trước khi đi săn và dùng các loại lá cây nhằm làm tăng sức mạnh nam tính của mình để quyến rũ nữ thần quản lý thú rừng tặng thú săn cho họ thì người Bru - Vân Kiều lại sử dụng thần *héc luông* như người trung gian/ môi giới tiếp xúc với vị nam thần quản lý thú rừng dâng tặng lễ vật, để đạt nguyện vọng để đạt được mục đích của mình.

- Người Bru - Vân Kiều quan tâm đến các các nghi thức cúng tế làm đẹp lòng vị nam thần quản lý thú rừng nhiều hơn vị nữ thần quản lý tôm cá không phải vì hoạt động săn bắt thú rừng cung cấp cho bữa ăn của họ nguồn đạm động vật nhiều hơn hoạt động đánh bắt tôm cá mà vì vai trò bảo vệ rẫy, bảo vệ mùa màng của hoạt động này. Điều này còn cho thấy vai trò quan trọng của cây lúa rẫy trong đời sống kinh tế, văn hóa của

người Bru - Vân Kiều nơi đây, trong suốt chiều dài lịch sử tồn tại và phát triển của họ.

Tài liệu tham khảo

1. Arhem, Kaj (2005), *Nghiên cứu dân tộc học về người Katu*, Dự thảo Báo cáo nghiên cứu Dự án dân tộc học Katu, Tài liệu lưu tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

2. Arhem, Kaj (2008), "The spiritual significance of Katu hunting", *Vietnamese Studies*, No 1+2 (167-168), tr. 29-66.

3. Nguyễn Quốc Lộc (Chủ biên) (1984), *Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên*, Nxb Thuận Hóa, Huế.

4. Phạm Văn Lợi (2008), "Land worship ritual and Kruong organization among the Bru-Vankieu", *Vietnamese Studies*, No 1+2 (167-168), tr. 123-142.

5. Vũ Lợi (1998), "Bố trí nội thất nhà và nghi lễ cúng nhà mới của người Bru - Vân Kiều", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 38-42.

6. Lưu Hùng (2006), *Góp phần tìm hiểu văn hóa Co-tu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Vargyas, Gabor (1993), *The structure of Bru shamanic ceremonies*, M. Hoppal-Howard, K. D. Eds. Shamans and cultures, Budapest.

8. Viện Dân tộc học (1978), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

9. Tổng cục Thống kê (2001), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999, Kết quả điều tra toàn bộ*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

10. Lao National Front For Construction (2005), *The ethnic groups in Lao PDR (Printed by: Department of Ethnicity; Sponsored by: Canada fund for local initiatives)*.